TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2022/QĐST-HNGĐ	*TT, ngày 13 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1989;
ĐKHKTT: Khu 8, xã Đ, huyện TT, tỉnh P.
Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1988.
ĐKHKTT: Khu 8, xã Đ, huyện TT, tỉnh P.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn D và chị Đặng Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung: Anh D và chị T đều xác định có 02 con chung là cháu Trần Bảo L, sinh ngày 02/8/2012 và cháu Trần Thuỳ L1, sinh ngày 19/7/2015. Ly hôn, hai bên thỏa thuận: Giao cháu Trần Thuỳ L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu L1 thành niên. Giao cháu Trần Bảo L cho Anh D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu L thành niên. Anh D và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh D và chị T đều không đề nghị giải quyết.

*Về án phí ly hôn: Anh D nhận nộp cả 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn*

đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006006 ngày 30/6/2022 của chi cục thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh P. Trả lại cho Anh D số tiền chênh lệch là 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TT;
- THA Dân sự huyện TT;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Khánh Vinh